

## **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

### **1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu**

Tên Bên mời thầu: Bệnh viện K.

Tên gói thầu: Gói 17: 130 mặt hàng sinh phẩm, hóa chất, vật tư tương thích với máy nhuộm hóa mô miễn dịch và lai tại chỗ tự động, 60 vị trí đặt slide

Tên dự toán mua sắm: Cung cấp sinh phẩm chẩn đoán in-vitro hóa chất và vật tư y tế lần 4 năm 2025 của Bệnh viện K

Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Nguồn vốn: Nguồn thu hoạt động sự nghiệp

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng

Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

Loại hợp đồng: Trọn gói.

Địa điểm thực hiện: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế của 03 cơ sở Bệnh viện K: cơ sở Quán Sứ, cơ sở Tam Hiệp, cơ sở Tân Triều.

### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Vật tư phù hợp về chủng loại, đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được cấp phép lưu hành hoặc công bố (quốc gia và/hoặc quốc tế được công nhận), được kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, bảo quản phù hợp với khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng.

- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng hóa theo quy định.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Bộ kit hiển thị độ nhạy cao	Thành phần: (1) Dung dịch đệm Phosphate chứa hydrogen peroxide, 15 mmol/L NaN <sub>3</sub> và chất tẩy rửa. (2) Dextran kết hợp với các phân tử peroxidase và các phân tử kháng thể thứ cấp của dê kháng immunoglobulin thỏ và chuột. Trong dung dịch đệm chứa protein ổn định và chất bảo quản (3) Dung dịch 3,3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride (4) Dung dịch đệm chứa hydrogen peroxide và chất bảo quản (5) Tris/EDTA buffer, pH 9, nồng độ 50x
2	Dung dịch Hematoxylin	Thành phần: Dung dịch Hematoxylin, Áp suất hóa hơi 2.3 kPa
3	Sulfuric acid 0.3M	Thành phần: Dung dịch Sulfuric acid nồng độ 0.3M

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
4	Dây tube (dài ống) trộn hóa chất	Dây tube (dài ống) trộn hóa chất, dùng để pha DAB+ và cơ chất với nhau. Một dây tube gồm 10 giếng
5	Chai đựng mẫu thử chuyên dụng	Chai đựng mẫu thử chuyên dụng kèm nắp, dùng một lần, chuyên dùng cho kỹ thuật hóa mô miễn dịch, hoặc lai tại chỗ. Mỗi chai được mã hóa 2D tiện lợi cho việc kiểm soát hóa chất.
6	Kháng thể đơn dòng kháng B-Cell-Specific Activator Protein PAX5 (DAK-Pax5) dạng pha sẵn dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng B-Cell-Specific Activator Protein PAX5 dòng DAK-Pax5. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
7	Kháng thể đơn dòng kháng BCL2 (124) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng BCL2 dòng 124. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
8	Kháng thể đơn dòng kháng BCL6 (PG-B6p) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng BCL6 dòng PG-B6p. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
9	Kháng thể đa dòng kháng Calcitonin dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng kháng Calcitonin. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

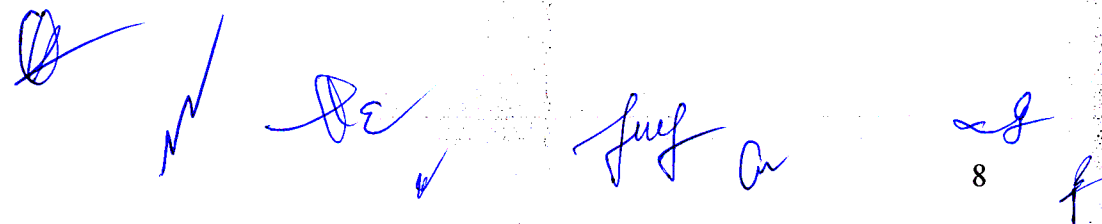
Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
10	Kháng thể đơn dòng kháng Calretinin (DAK-Calret 1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Calretinin dòng DAK-Calret 1. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
11	Kháng thể đơn dòng kháng CD10 (DAK-CD10) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD10 dòng DAK-CD10. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
12	Kháng thể đơn dòng kháng CD138 (MI15) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD138 dòng MI15. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
13	Kháng thể đơn dòng kháng CD20 (L26) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD20 dòng L26. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
14	Kháng thể đơn dòng kháng CD23 (DAK-CD23) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD23 dòng DAK-CD23. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
15	Kháng thể đa dòng kháng CD3 dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng kháng CD3. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
16	Kháng thể đơn dòng kháng CD34 (QBEnd 10) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD34 dòng QBEnd 10. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
17	Kháng thể đơn dòng kháng CD45 LCA (2B11 + PD7/26) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD45 LCA dòng 2B11 + PD7-26. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
18	Kháng thể đơn dòng kháng CD5 (4C7) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD5 dòng 4C7. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
19	Kháng thể đơn dòng kháng CD68 (KP1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD68 dòng KP1. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
20	Kháng thể đơn dòng kháng CD79a (JCB117) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CD79a dòng JCB117. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
21	Kháng thể đơn dòng kháng CDX2 (DAK-CDX2) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CDX2 dòng DAK-CDX2. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

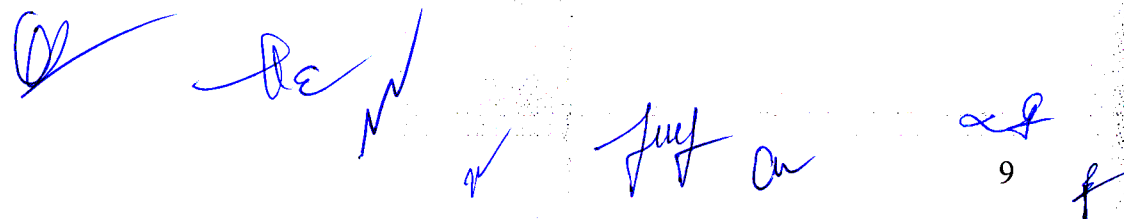
Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
22	Kháng thể đơn dòng kháng Cyclin D1 (EP12) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Cyclin D1 dòng EP12. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
23	Kháng thể đơn dòng kháng CK19 (RCK108) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CK19 dòng RCK108. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
24	Kháng thể đơn dòng kháng CK20 (Ks20.8) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CK20 dòng Ks20.8. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
25	Kháng thể đơn dòng kháng CK5/6 (D5/16 B4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CK5/6 dòng D5-16 B4. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
26	Kháng thể đơn dòng kháng CK7 (OV-TL 12/30) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CK7 dòng OV-TL 12/30. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
27	Kháng thể đơn dòng kháng CK AE1/AE3 (AE1/AE3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng CK AE1/AE3 dòng AE1/AE3. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
28	Kháng thể đơn dòng kháng Desmin (D33) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Desmin dòng D33. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
29	Kháng thể đơn dòng kháng EMA (Epithelial Membrane Antigen) (E29) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng EMA (Epithelial Membrane Antigen) dòng E29. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
30	Kháng thể đơn dòng kháng ER (Estrogen Receptor) EP1 (EP1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng ER (Estrogen Receptor) EP1 dòng EP1. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
31	Kháng thể đơn dòng kháng Hepatocyte (OCH1E5) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Hepatocyte dòng OCH1E5. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
32	Kháng thể đơn dòng kháng Ki67 (MIB-1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Ki67 dòng MIB-1. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
33	Kháng thể đơn dòng kháng Mammaglobin (304-1A5) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Mammaglobin dòng 304-1A5. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
34	Kháng thể đơn dòng kháng Melan A (A103) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Melan A dòng A103. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
35	Kháng thể đơn dòng kháng HMB45 Melanosome (HMB-45) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng HMB45 Melanosome dòng HMB-45. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
36	Kháng thể đơn dòng kháng MUM1 (MUM1p) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng MUM1 dòng MUM1p. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
37	Kháng thể đơn dòng kháng Myogenin (F5D) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Myogenin dòng F5D. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
38	Kháng thể đơn dòng kháng p53 (DO-7) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng p53 dòng DO-7. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
39	Kháng thể đơn dòng kháng PR (Progesterone Receptor) (PgR 636) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng PR (Progesterone Receptor) dòng PgR 636. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

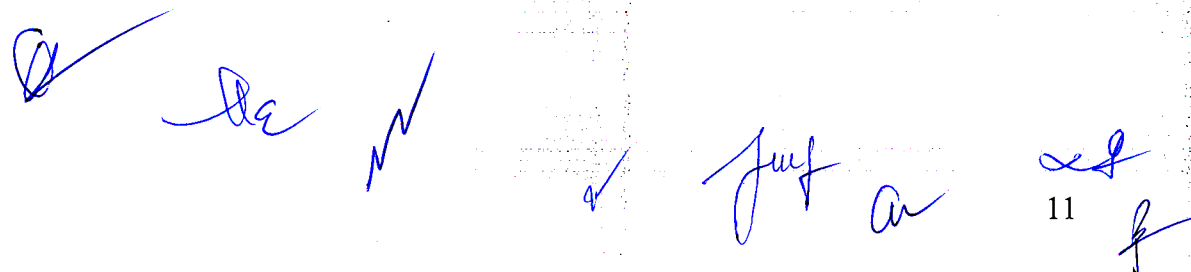


Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
40	Kháng thể đa dòng kháng S100 dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng kháng S100. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
41	Kháng thể đơn dòng kháng Synaptophysin (DAK-SYNAP) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Synaptophysin dòng DAK-SYNAP. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
42	Kháng thể đơn dòng kháng TTF1 (Thyroid Transcription Factor) (8G7G3/1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng TTF1 (Thyroid Transcription Factor) dòng 8G7G3-1. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
43	Kháng thể đơn dòng kháng Vimentin (V9) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Vimentin dòng V9. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
44	Lam kính chuyên dụng dùng trong hóa mô miễn dịch	Lam kính chuyên dụng dùng trong hóa mô miễn dịch trên mẫu paraffin, kích thước 75 x 25 x 1 mm. Các mẫu mô sẽ dính vào lam trước khi được nhuộm hóa mô miễn dịch
45	Đệm rửa (wash buffer) 20X	Dung dịch Tris-buffered saline chứa Tween 20, pH 7.6. gồm Sodium chloride, 2-Amino-2-(hydroxymethyl)propane-1,3-diol hydrochloride, Trometamol, Propane-1,2-diol, 5-bromo-5-nitro-1,3-dioxane.



Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
46	Dung dịch pha loãng kháng thể (DILUENT)	Dung dịch pha loãng kháng thể, dùng trong phương pháp hóa mô miễn dịch, dung dịch dùng để pha loãng những kháng thể cô đặc, Dung dịch bao gồm Tris buffer, pH 7.2m chứa 15 mmol/L NaN <sub>3</sub> và protein
47	Kháng thể đơn dòng kháng Muscle Actin (HHF35) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng Muscle Actin dòng HHF35. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
48	Kháng thể đơn dòng kháng p63 (DAK-p63) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng p63 dòng DAK-p63. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
49	Kháng thể đơn dòng kháng TDT (Terminal Deoxynucleotidyl Transferase) (EP266) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng TDT (Terminal Deoxynucleotidyl Transferase) dòng EP266. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
50	Kháng thể đơn dòng kháng RCC (SPM314) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng kháng RCC dòng SPM314. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
51	Kháng thể đơn dòng kháng Smooth Muscle Actin (1A4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng SMA (Smooth Muscle Actin) dòng 1A4 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
52	Kháng thể đa dòng kháng Alpha-1-Antitrypsin dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Alpha-1-Antitrypsin dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
53	Kháng thể đa dòng kháng AFP (Alpha-1-Fetoprotein) dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng AFP (Alpha-1-Fetoprotein) dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
54	Kháng thể đơn dòng kháng AMACR (13H4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng AMACR dòng 13H4 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
55	Kháng thể đơn dòng kháng Amyloid A (mc1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Amyloid A dòng mc1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
56	Kháng thể đơn dòng kháng Beta Catenin ( $\beta$ -Catenin-1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Beta Catenin dòng $\beta$ -Catenin-1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.








Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
57	Kháng thể đơn dòng kháng CA125 (M11) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CA125 dòng M11 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
58	Kháng thể đơn dòng kháng Caldesmon (h-CD) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Caldesmon dòng h-CD dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
59	Kháng thể đơn dòng kháng CEA (Carcinoembryonic Antigen) (II-7) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CEA (Carcinoembryonic Antigen) dòng II-7 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
60	Kháng thể đơn dòng kháng CD15 (Carb-3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD15 dòng Carb-3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

*(Handwritten signatures)*

*(Handwritten signature)*

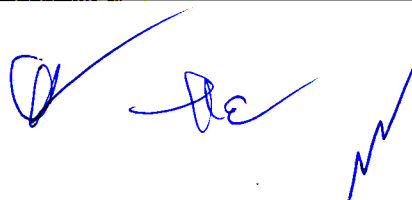
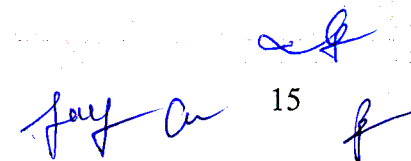
*(Handwritten mark)*

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
61	Kháng thể đơn dòng kháng CD1a (010) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD1a dòng 010 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
62	Kháng thể đơn dòng kháng CD2 (AB75) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD2 dòng AB75 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
63	Kháng thể đơn dòng kháng CD246 ALK (ALK1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD246 ALK dòng ALK1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
64	Kháng thể đơn dòng kháng CD31 (JC70A) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD31 dòng JC70A dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
65	Kháng thể đơn dòng kháng CD4 (4B12) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD4 dòng 4B12 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
66	Kháng thể đơn dòng kháng CD43 (DF-T1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD43 dòng DF-T1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
67	Kháng thể đơn dòng kháng CD68 (PG-M1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD68 dòng PG-M1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
68	Kháng thể đơn dòng kháng CD7 (CBC.37) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD7 dòng CBC.37 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
69	Kháng thể đơn dòng kháng CD8 (C8/144B) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD8 dòng C8/144B dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
70	Kháng thể đơn dòng kháng CK18 (DC 10) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CK18 dòng DC 10 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
71	Kháng thể đơn dòng kháng CK8/18 (EP17/EP30) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CK8/18 dòng EP17/EP30 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
72	Kháng thể đơn dòng kháng CK HMW (34BE12) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CK HMW dòng 34BE12 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
73	Kháng thể đa dòng kháng HCG (Human Chorionic Gonadotropin) dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng HCG (Human Chorionic Gonadotropin) dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
74	Kháng thể đơn dòng kháng Ecadherin (NCH-38) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Ecadherin dòng NCH-38 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
75	Kháng thể đơn dòng kháng Epithelial Antigen (Ber-EP4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Epithelial Antigen dòng Ber-EP4 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
76	Kháng thể đơn dòng kháng ERG (Ets-Related Gene) (EP111) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng ERG (Ets-Related Gene) dòng EP111 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
77	Kháng thể đa dòng kháng Gastrin dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Gastrin dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
78	Kháng thể đa dòng kháng GFAP dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng GFAP dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

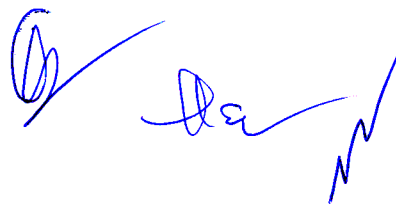



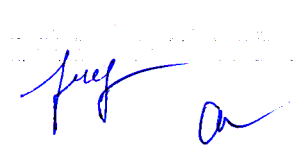
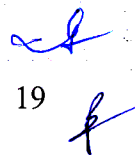
Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
79	Kháng thể đơn dòng kháng Inhibin $\alpha$ (R1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Inhibin $\alpha$ dòng R1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
80	Kháng thể đa dòng kháng MPO (Myeloperoxidase) dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng MPO (Myeloperoxidase) dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
81	Kháng thể đơn dòng kháng Neurofilament Protein (2F11) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Neurofilament Protein dòng 2F11 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
82	Kháng thể đơn dòng kháng PLAP (Placental Alkaline Phosphatase) (8A9) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng PLAP (Placental Alkaline Phosphatase) dòng 8A9 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
83	Kháng thể đa dòng kháng Thyroglobulin dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Thyroglobulin dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
84	Kháng thể đa dòng kháng Factor 8 (Von Willebrand Factor) dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Factor 8 (Von Willebrand Factor) dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
85	Nhãn in barcode	Thành phần: Có 1 lớp phủ để bảo vệ nhãn. Nhãn được in bằng máy in chuyển nhiệt, cuộn 500 miếng
86	Bộ xét nghiệm PD-L1 (22C3) bằng hóa mô miễn dịch dạng pha sẵn	Thành phần: + Dung dịch đệm chứa hydrogen peroxide, chất tẩy rửa và 0.015 mol/L sodium azide + Kháng thể đơn dòng chuột kháng PD-L1, dòng 22C3 + Mẫu chứng âm + Mouse LINKER chứa kháng thể thứ cấp của thỏ chống lại các globulin miễn dịch của chuột trong dung dịch đệm có chứa protein ổn định và 0,015 mol/L sodium azide + Chất lên màu-HRP (Visualization Reagent-HRP) + Dung dịch đệm cơ chất DAB+ (DAB+ Substrate Buffer) + Chất tạo màu DAB+ (DAB+ Chromogen) + Bộ tăng cường DAB (DAB Enhancer) + Dung dịch bộc lộ kháng nguyên pH thấp, 50x + 15 lam chứng PD-L1 IHC 22C3
87	Bộ tăng cường Dab trên máy nhuộm tự động 60 vị trí bằng hóa mô miễn dịch dạng pha sẵn	Dùng để tăng cường màu nâu trong nhuộm hóa mô miễn dịch
88	Dung dịch Ethanol dùng trong lai huỳnh quang	Ethanol Solution, 96% được dùng tự động trên mẫu FFPE. Dung dịch được dùng ở bước rửa, sau khi bộc lộ kháng nguyên. Sản phẩm được cung cấp dạng pha sẵn.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
89	Dung dịch tiền xử lý dùng trong lai huỳnh quang	Pre-Treatment Solution (20x) dùng nhuộm situ hybridization tự động, trên mẫu FFPE. Dung dịch được dùng ở bước pre-treatment. Màu xanh trong buffer được thêm vào để dễ nhận biết.
90	Dung dịch Pepsin dùng trong lai huỳnh quang	Pepsin dùng nhuộm situ hybridization tự động, trên mẫu FFPE. Dung dịch được dùng trong bước thủy phân. Được cung cấp dưới dạng RTU
91	Dung dịch Stringent dùng trong lai huỳnh quang	Stringent Wash Buffer (20x) dùng nhuộm situ hybridization tự động, trên mẫu FFPE. Dung dịch được dùng ở bước post-hybridization. Màu vàng được thêm vào để dễ nhận biết.
92	Dung dịch Fluorescence dùng trong lai huỳnh quang	Fluorescence Mounting Medium dùng để dán mẫu FFPE sau khi nhuộm FISH onboard. Mounting medium chứa 500 µg/L DAPI để củng cố nhuộm nhân
93	Đầu dò Her2 dùng trong lai huỳnh quang	Probe để sử dụng trực tiếp tự động khi nhuộm FISH onboard. Có chứa HER2 và CEN-17 probe nhuộm trong IQISH hybridization buffer, dưới dạng RTU. hybridization buffer không độc và cho phép genomin DNA probe lai trong vòng 75 phút
94	Dụng cụ dùng trong lai huỳnh quang	Dùng trong quá trình nhuộm FISH. Mỗi dụng cụ chứa 5 slide, 5 HybriSlips và 1 Humidity Pad. HybriSlips dùng để phân phối các probe buffer đến khu vực nhuộm, và hạn chế bốc hơi buffer

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
95	Dung dịch rửa đầu phun dùng trong lai huỳnh quang	Dùng trên máy để rửa đầu phun sau khi pha các probe nhuộm in situ hybridization, làm tan probe, để rửa các probe này ra ngoài. Sản phẩm được cung cấp dạng pha sẵn
96	Dung dịch khuếch đại tín hiệu kháng thể chuột	Dung dịch khuếch đại tín hiệu kháng thể chuột
97	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên pH thấp	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên pH thấp
98	Kháng thể đơn dòng kháng CD19 (LE-CD19) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD19 dòng LE-CD19 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
99	Kháng thể đơn dòng kháng CD21 (1F8) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD21 dòng 1F8 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
100	Kháng thể đơn dòng kháng CD246, ALK Protein (OTI1A4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD246, ALK Protein dòng OTI1A4 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.




Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
101	Kháng thể đơn dòng kháng CD30 (Ber-H2) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD30 dòng Ber-H2 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
102	Kháng thể đơn dòng kháng CD56 (123C3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD56 dòng 123C3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
103	Kháng thể đơn dòng kháng CD57 (TB01) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD57 dòng TB01 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
104	Kháng thể đơn dòng kháng CD99, MIC2 Gene Products, Ewing's Sarcoma Marker (12E7) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng CD99, MIC2 Gene Products, Ewing's Sarcoma Marker dòng 12E7 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
105	Kháng thể đơn dòng kháng Cytokeratin 17 (E3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Cytokeratin 17 dòng E3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
106	Kháng thể đơn dòng kháng Cytomegalovirus (DDG9 + CCH2) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Cytomegalovirus dòng DDG9 + CCH2 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.



20

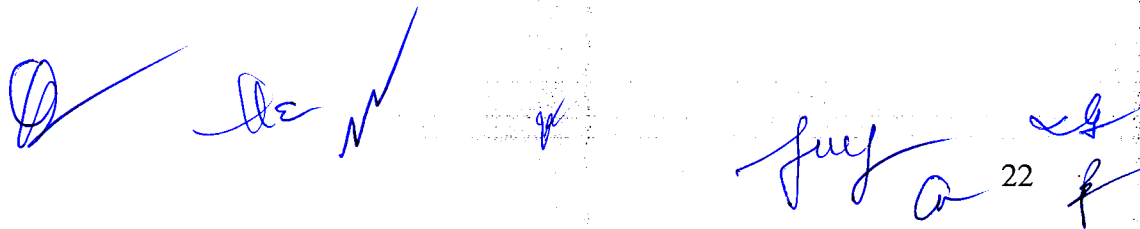


Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
107	Kháng thể đơn dòng kháng Epstein-Barr Virus, LMP (CS.1-4) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Epstein-Barr Virus, LMP dòng CS.1-4 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
108	Kháng thể đơn dòng kháng Gross Cystic Disease Fluid Protein-15 (23A3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Gross Cystic Disease Fluid Protein-15 dòng 23A3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
109	Kháng thể đa dòng kháng Helicobacter Pylori dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Helicobacter Pylori dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
110	Kháng thể đa dòng kháng Herpes Simplex Virus Type 1 dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Herpes Simplex Virus Type 1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
111	Kháng thể đa dòng kháng Insulin dạng pha sẵn	Kháng thể đa dòng Insulin dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
112	Kháng thể đơn dòng kháng Mast Cell Tryptase (AA1) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Mast Cell Tryptase dòng AA1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.


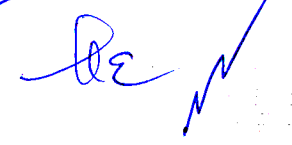

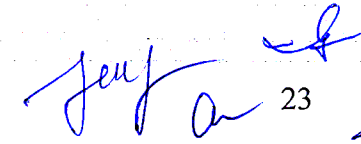

*Handwritten signature/initials in blue ink.*

*Handwritten signature/initials in blue ink.*

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
113	Kháng thể đơn dòng kháng MUC2 (CCP58) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng MUC2 dòng CCP58 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
114	Kháng thể đơn dòng kháng MUC5AC (CLH2) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng MUC5AC dòng CLH2 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
115	Kháng thể đơn dòng kháng MutL Protein Homolog 1 (MLH1) (ES05) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng MutL Protein Homolog 1 (MLH1) dòng ES05 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
116	Kháng thể đơn dòng kháng MutS Protein Homolog 2 (MSH2) (FE11) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng MutS Protein Homolog 2 (MSH2) dòng FE11 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
117	Kháng thể đơn dòng kháng MutS Protein Homolog 6 (MSH6) (EP49) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng MutS Protein Homolog 6 (MSH6) dòng EP49 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
118	Kháng thể đơn dòng kháng Myosin Heavy Chain (Smooth Muscle)	Kháng thể đơn dòng Myosin Heavy Chain (Smooth Muscle) dòng SMMS-1 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L



Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
	(SMMS-1) dạng pha sẵn	sodium azide.
119	Kháng thể đơn dòng kháng Neuron-Specific Enolase (NSE) (BBS/NC/VI-H14) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Neuron-Specific Enolase (NSE) dòng BBS/NC/VI-H14 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
120	Kháng thể đơn dòng kháng Nucleophosmin (376) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Nucleophosmin dòng 376 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
121	Kháng thể đơn dòng kháng OCT3/4 (N1NK) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng OCT3/4 dòng N1NK dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
122	Kháng thể đơn dòng kháng p40 (DAK-p40) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng p40 dòng DAK-p40 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
123	Kháng thể đơn dòng kháng Podoplanin (D2-40) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Podoplanin dòng D2-40 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

  
  
  
 23  


Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
124	Kháng thể đơn dòng kháng Postmeiotic Segregation Increased 2 (PMS2) (EP51) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Postmeiotic Segregation Increased 2 (PMS2) dòng EP51 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
125	Kháng thể đơn dòng kháng Progesterone Receptor (PgR 1294) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Progesterone Receptor dòng PgR 1294 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
126	Kháng thể đơn dòng kháng Prostate-Specific Membrane Antigen (PSMA) (3E6) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Prostate-Specific Membrane Antigen (PSMA) dòng 3E6 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
127	Kháng thể đơn dòng kháng Prostein (10E3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Prostein dòng 10E3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
128	Kháng thể đơn dòng kháng Tyrosinase (T311) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Tyrosinase dòng T311 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

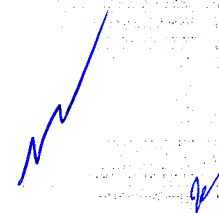
*(Handwritten signature)*




*(Handwritten signature)*

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
129	Kháng thể đơn dòng kháng Villin (1D2 C3) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Villin dòng 1D2 C3 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.
130	Kháng thể đơn dòng kháng Wilms' Tumor 1 (WT1) Protein (6F-H2) dạng pha sẵn	Kháng thể đơn dòng Wilms' Tumor 1 (WT1) Protein dòng 6F-H2 dạng pha sẵn. Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.

*Thông số kỹ thuật chi tiết và các tiêu chuẩn chi tiết (khi cần thiết).*

*[Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật]*


  
 25  


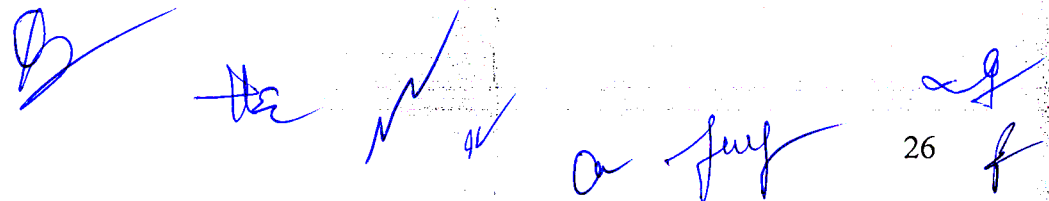
## BIỂU MẪU DỰ THẦU

STT dự thầu	Tên hàng hóa	Mã vật tư y tế	Tên thương mại	Số tham chiếu (reference number/ REF)	Số đăng ký	Chủ sở hữu	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách dự thầu	Đơn vị tính	Số lượng dự thầu	Tuổi thọ (tháng)	Phân loại	Giá niêm yết/ Giá kê khai	Mã HS	Tên nhà thầu	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	VAT (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1																		
2																		
....																		
<i>n</i>																		
Tổng cộng: <i>n</i> khoản																		

Đại diện nhà thầu  
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

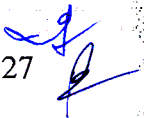
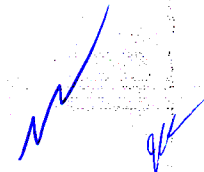
- Các cột (2). (11). (12) nhà thầu ghi chính xác theo “Danh mục mời thầu” không được sửa chữa.
- Cột (3): Mã vật tư y tế theo quy định tại Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 của Bộ Y tế (nếu có).
- Cột (4): Tên thương mại ghi đúng tên trên nhãn hàng hóa.
- Cột (5): Nếu có nhiều số tham chiếu do các cỡ khác nhau thì ghi đủ các mã này.
- Cột (6): Số đăng ký ghi: Số Giấy phép lưu hành sản phẩm/Số Giấy phép nhập khẩu/ Số Công bố tiêu chuẩn/ Trong trường hợp hàng hóa không phải yêu cầu có số đăng ký thì bỏ trống.
- Cột (8): Ghi tên của Nhà sản xuất chịu trách nhiệm sản xuất (*Physical manufacturer*). Nếu trên nhãn hàng hóa chỉ ghi tên Nhà sản xuất chịu trách nhiệm pháp lý (*Legal manufacturer*). thì ghi rõ: A [ nước sản xuất] cho B [ nước sản xuất]; A = Nhà sản xuất chịu trách nhiệm sản xuất. B = Nhà sản xuất chịu trách nhiệm pháp lý.
- Cột (9): Nước sản xuất: Căn cứ theo địa chỉ nhà máy ghi trong chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc ISO 9001:2015



- Cột (13): Ghi theo tháng tính từ ngày sản xuất đến ngày hết hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm. Trong trường hợp hàng hóa không áp dụng ghi hạn dùng (ví dụ: *Dụng cụ kim loại*) thì ghi: Vô hạn
- Cột (14): Thiết bị y tế phân loại theo: A. B. C. D. Căn cứ theo: Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về Quản lý Thiết bị y tế. Các hóa chất căn cứ phân loại theo Quy định của Pháp luật hiện hành.
- Cột (16): Mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) của mã hàng hóa (HS-Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành. Mã HS căn cứ theo Thông tư số 19/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ Y Tế, Thông tư số 31/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có.
- Cột (18) (19): Các mặt hàng áp dụng thuế suất VAT 10% và là đối tượng điều chỉnh thuế theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ thì nhà thầu chào mức thuế suất VAT là 10%.

### 1.3. Các yêu cầu khác

Cam kết của nhà thầu theo mẫu:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

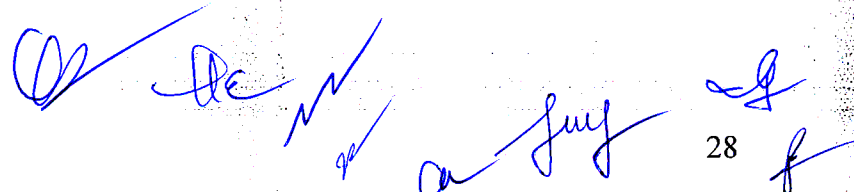
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CAM KẾT

Kính gửi: BỆNH VIỆN K

(Tên nhà thầu).....xin cam kết về Hồ sơ dự thầu Cung cấp hàng hoá trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: cung cấp sinh phẩm chẩn đoán in-vitro hóa chất và vật tư y tế lần 4 năm 2025 của Bệnh viện K theo các nội dung sau:

1. Nội dung của Hồ sơ dự thầu trong bản gốc và bản up lên hệ thống là hoàn toàn giống nhau, nếu có sai sót làm ảnh hưởng đến kết quả trúng thầu và các vấn đề khác gây hậu quả, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
2. Thông tin trong hồ sơ dự thầu là chính xác.
3. Tất cả các mặt hàng tham dự thầu đều đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, hoặc đúng với giấy phép lưu hành /công bố tiêu chuẩn.
4. Tất cả các mặt hàng tham dự thầu đều có đủ giấy tờ xác nhận về xuất xứ, chứng chỉ chất lượng, nước sản xuất, địa chỉ gửi hàng tới Việt Nam, giấy phép lưu hành (nếu có) tại Việt Nam còn hiệu lực.
5. Giá dự thầu không cao hơn giá kê khai/ kê khai lại (nếu có).
6. Giá dự thầu không cao hơn giá cung cấp cho các bệnh viện khác cùng thời điểm.

  
28

7. Nhà thầu cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước và chịu trách nhiệm về nội dung này. Nếu bị phát hiện không trung thực thì E-HSDT hoặc kết quả đấu thầu sẽ bị loại bỏ.

8. Với liên danh, các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh.

9. Với nhà thầu liên danh, nhà thầu cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền đảm bảo dự thầu khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong E-HSMT.”

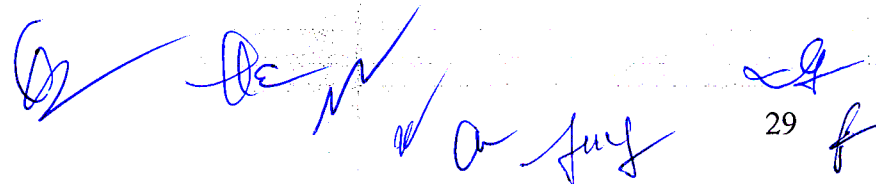
10. Về cung ứng sinh phẩm chẩn đoán in-vitro, hoá chất, vật tư:

a. Cung ứng hàng hoá kịp thời, chính xác, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng như yêu cầu của E-HSMT.

b. Cung ứng hàng hoá đúng với các thông số đã kê khai ở Biểu mẫu dự thầu theo mẫu tại khoản b – “Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể”, Điều 1.2, Mục 1, Chương V – Yêu cầu về kỹ thuật.

c. Trong trường hợp công ty không có hàng hoá cung ứng hoặc cung ứng hàng hoá không đúng với các thông số như cam kết ở các mục trên, công ty sẽ có công văn giải trình và xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt Tài chính theo yêu cầu, quy định của Bệnh viện.

d. Đối với một số hàng hoá: Hạn sử dụng không đáp ứng được điều kiện trong E-HSMT, nếu Bệnh viện vẫn có nhu cầu, công ty cam kết sẽ cung ứng hàng hoá đó cho Bệnh viện với hạn sử dụng dài nhất mà công ty có tại thời điểm giao hàng và công ty sẽ có công văn giải trình, chấp nhận thực hiện theo yêu cầu của Bệnh viện.



Handwritten signatures in blue ink, including a large signature on the left and several smaller ones on the right.

e. Hàng hóa được giao phải đủ số lượng, đúng các thông tin tiêu chuẩn như đã công bố trong E-HSDT và theo từng đơn đặt hàng của bệnh viện, thời gian  $\leq 72$  giờ kể từ nhà thầu nhận được đơn hàng qua e-mail, fax hoặc điện thoại. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: hàng hóa được giao tại Phòng Vật tư - Thiết bị y tế của 03 cơ sở Bệnh viện K: cơ sở Quán Sứ, cơ sở Tam Hiệp, cơ sở Tân Triều. Hàng hóa phải được vận chuyển theo đúng điều kiện bảo quản của nhà sản xuất, đảm bảo an toàn, phòng tránh cháy nổ, đổ vỡ, hư hỏng

f. Hàng hóa được kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, bảo quản phù hợp với khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động đến môi trường hoặc có ảnh hưởng tác động đến môi trường nhưng có đề xuất biện pháp giải quyết

g. Nhà thầu trúng thầu vật tư, hóa chất có trách nhiệm cung cấp, lắp đặt trang thiết bị y tế để sử dụng vật tư, hóa chất theo yêu cầu của chủ đầu tư đảm bảo sử dụng tương thích với các sinh phẩm chẩn đoán invitro, hoá chất xét nghiệm, hóa chất khử khuẩn và vật tư y tế đã trúng thầu.

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2025

Đại diện nhà thầu


## **Mục 2. Bản vẽ**

Không yêu cầu

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Trong một số trường hợp, trước khi phê duyệt kết quả trúng thầu, chủ đầu tư có quyền kiểm tra việc đáp ứng/không đáp ứng về khả năng tương thích với máy móc hoặc khả năng cung ứng của nhà thầu bằng các giấy tờ cần thiết.



30